

Thứ năm, ngày 13 tháng 7 năm 2023

Vietnam Daily Review

VN-Index tăng mạnh

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 14/7/2023		●	
Tuần 03/07-07/07/2023		●	
Tháng 07/2023		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index tăng mạnh hơn 11 điểm trong ngày hôm nay, đóng cửa tại mốc 1,165.42 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 16/19 ngành tăng điểm, trong đó những ngành tích cực có thể kể đến Hàng cá nhân & Gia dụng, Tiện ích,... Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên sàn HSX và bán ròng trên sàn HNX. Đà tăng hôm nay được ủng hộ bởi nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn khi 27/30 mã thuộc VN30 tăng điểm. Hiện tại, VN-Index đã tiến đến vùng kháng cự cũ 1,165 điểm và có thể xảy ra rung lắc tại vùng giá cao này trong một vài phiên tới.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL tăng theo xu hướng vận động của VN30. Xét về KLGD và vị thế mở, VN30F2308 tăng, các HĐTL còn lại giảm. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 13/07/2023, các chứng quyền biến động theo đà tăng của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **+11.22** điểm, đóng cửa **1165.42** điểm. HNX-Index **+1.09** điểm, đóng cửa **229.97** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **GAS (+1.36)**, **VHM (+1.32)**, **VCB (+1.07)**, **MSN (+0.83)**, **VPB (+0.51)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VNM (-0.2)**, **HVN (-0.08)**, **PDN (-0.06)**, **EIB (-0.04)**, **PLX (-0.03)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **15,494** tỷ đồng, tăng **7.75%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 16,680 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 7.42 điểm. Thị trường có **334** mã tăng, 70 mã tham chiếu, **97** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **231.05** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **MSN (104.18 tỷ)**, **SSI (71.67 tỷ)**, **MWG (66.64 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-12.74** tỷ đồng.

Hiệu suất BSC 30, BSC 50 so với thị trường



BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

Nguyễn Thùy Trang

trangnt1@bsc.com.vn

VN-INDEX **1165.42**
Giá trị: 15494.34 tỷ **11.22 (0.97%)**
Khối ngoại (ròng): 231.05 bil

HNX-INDEX **229.97**
Giá trị: 1567.14 tỷ **1.09 (0.48%)**
Khối ngoại (ròng): -12.74 tỷ

UPCOM-INDEX **86.21**
Giá trị: 766.25 tỷ **0.3 (0.35%)**
Khối ngoại (ròng): -15.57 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	75.9	1.46%
Giá vàng	1,957	1.30%
Tỷ giá USD/VND	23,580	0.04%
Tỷ giá EUR/VND	25,561	-0.22%
Tỷ giá JPY/VND	163	0.09%
LS liên NH 1 tháng	2.5%	0.87%
LS TPCP 5 năm	2.2%	0.01%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
MSN	104.18	DGC	-58.68
SSI	71.67	VPB	-53.86
MWG	66.64	EIB	-25.56
VCB	58.66	VRE	-25.21
VHM	55.25	POW	-21.85

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tin hiệu hàng hóa	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 13/7

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	Barrel	75.92	1.46%	5.75%	9.11%	-16.90%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	Barrel	80.37	1.22%	4.86%	8.30%	-16.53%	PVT	GAS, BSR
Xăng	Gallon	2.67	1.98%	6.21%	8.53%	-13.18%	HVN, VJC	PLX, OIL
Natural gas	USD/MMBtu	2.66	-2.74%	-0.03%	10.35%	-59.69%		
TTF Gas	EUR/MWh	26.64	-8.33%	-22.50%	-26.11%	-85.24%		
Vàng	Ounce	1,957.06	1.30%	2.07%	0.71%	12.78%		PNJ
Bạc	Ounce	24.13	4.46%	4.45%	1.92%	25.76%		PNJ
Đậu tương	Bushel	1,488.50	-2.10%	-3.80%	6.38%	8.63%	DBC, QNS	HKB
Sữa	Cwt	13.87	-0.79%	-1.00%	-8.08%	-38.95%	KDC	VNM, GTN, QNS
Cao su	JPY/kg	131.40	-0.30%	-0.15%	-0.61%	-16.31%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG
Đường	LB	23.91	1.62%	1.62%	-4.97%	24.92%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS, SLS
Cà phê	LB	158.75	-0.35%	-2.16%	-13.13%	-24.33%	VCF, CTP	CTP, DLG
Ure	USD/T	377.50	2.72%	2.72%	27.10%	-46.45%		DPM, DCM
Niken	LB	20,501.00	-1.51%	0.82%	-0.78%	-3.84%		PC1
Đồng	LB	3.85	2.54%	2.54%	0.46%	15.75%	CAV, SAM, TGP	MSN, ACM, BGM
Thép	CNY/ton	3,683.00	0.52%	-1.34%	-1.15%	-6.29%		HPG
Nhôm	Ton	2,238.50	3.23%	4.48%	0.29%	-5.27%	CAV, SAM, TGP	

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Giá dầu thô ngọt nhẹ WTI của Mỹ tăng lên 75.92 USD/thùng vào lúc 7h34 (giờ Việt Nam), trong khi giá dầu thô Brent giao tháng 9 giảm 0.06% xuống 80.37 USD/thùng.
- Giá dầu thô tăng trong phiên giao dịch ngày thứ Tư (12/7), với dầu thô Brent trở lại trên 80 USD/thùng lần đầu tiên kể từ tháng 5, sau khi dữ liệu lạm phát của Mỹ thúc đẩy triển vọng Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) có thể có ít các đợt nâng lãi suất hơn.

Giá vàng

- Trong phiên giao dịch sáng ngày 13/7, giá vàng giao ngay giảm 0.03% xuống 1,957.06 USD/ounce vào lúc 7h16 (giờ Việt Nam), theo kitco. Giá vàng tháng 8, ngược lại, tăng 0.09% lên 1,963.55 USD.
- Giá vàng đã tăng hơn 1% trong phiên giao dịch ngày thứ Tư (12/7) sau khi dữ liệu lạm phát hạ nhiệt tại Mỹ thúc đẩy hy vọng Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) có thể tạm dừng chu kỳ nâng lãi suất sớm hơn.

Giá quặng sắt

- Quặng sắt kỳ hạn tháng 9 trên Sàn DCE của Trung Quốc chốt phiên với giá cao hơn 0.1% ở mức 807.0 nhân dân tệ/tấn (112.12 USD/tấn).
- Vào hôm thứ Ba (11/7), giá quặng sắt kỳ hạn trên Sàn giao dịch Singapore (SGX) tăng sau khi Ngân hàng Trung ương Trung Quốc gia hạn gói giải cứu cho lĩnh vực bất động sản của nước này, mặc dù Sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên nhận thấy phản ứng im lặng hơn do lo ngại về biến động ngắn hạn và điều kiện thời tiết ẩm áp.

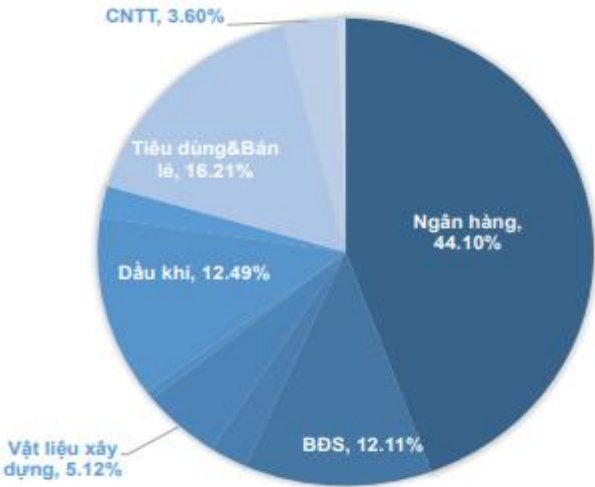
Giá hàng hóa khác

- Tại Sở giao dịch hàng hóa Tokyo (TOCOM), giá cao su kỳ hạn giao tháng 8/2023 đạt mức 202.2 yen/kg, tăng 0.15% (tương đương 0.3 yen/kg) tại thời điểm khảo sát vào lúc 7h30 (giờ Việt Nam).

Danh mục BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tài báo báo
VCB	Ngân hàng	104.9	0.9%	1.1	20,956	4.1	7,311	14.3	105,000	23.5%	Link
BID	Ngân hàng	46.9	0.4%	0.9	10,015	3.7	4,208	11.1	54,578	17.2%	Link
VPB	Ngân hàng	20.0	1.5%	1.1	5,653	13.8	-			17.0%	Link
TCB	Ngân hàng	32.0	0.9%	1.6	4,744	6.0	-			22.5%	Link
MBB	Ngân hàng	21.1	0.5%	1.5	4,038	16.0	4,640	4.5	26,000	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	30.0	0.7%	1.3	2,387	14.8	4,603	6.5	24,600	25.8%	Link
GVR	BDS KCN	21.6	0.2%	1.9	3,656	2.3	4,880	4.4	31,200	0.5%	Link
KBC	BDS KCN	31.0	0.2%	1.7	1,004	8.3				19.6%	Link
IDC	BDS KCN	44.3	1.1%	1.7	617	6.3	1,217		19,100	10.8%	Link
VGC	BDS KCN	46.9	2.9%	1.8	888	3.4	1,916	24.5	25,000	4.7%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	27.0	0.2%	2.1	6,640	16.0	1,896	14.2	18,500	25.3%	Link
VHM	Vật liệu xây dựng	56.3	2.2%	1.0	10,348	7.2	5,227	10.8	68,300	24.3%	Link
VRE	BDS	28.2	0.2%	1.0	2,700	8.4	1,576	17.9	31,800	32.6%	Link
KDH	BDS	31.7	3.8%	1.7	959	4.2	2,557	12.4	38,700	38.2%	Link
NLG	BDS	34.6	6.9%	1.7	562	11.9	14,120	2.5	42,000	44.1%	Link
DGC	Phân bón	71.2	5.2%	1.8	1,141	19.9	6,793	10.5	122,300	14.8%	Link
DPM	Dầu khí	37.1	0.4%	1.0	613	4.0	2,625	14.1	42,000	14.8%	Link
DCM	Dầu khí	28.5	1.6%	1.3	637	7.3	2,292	12.4	18,400	9.3%	Link
GAS	Dầu khí	99.3	2.9%	0.6	8,023	5.7	1,340	74.1	31,100	2.9%	Link
PLX	Dầu khí	41.4	-0.2%	0.9	2,220	2.0	2,929	14.1	24,300	17.7%	Link
PVS	Dầu khí	34.0	0.6%	1.0	686	5.0	993	34.2	13,000	20.8%	Link
PVD	Dầu khí	25.3	0.2%	1.2	594	4.0	7,698	3.3	85,000	22.0%	Link
POW	Tiện ích	13.4	0.8%	0.9	1,320	4.7	3,895	3.4	87,600	7.8%	Link
VNM	Bán lẻ	73.1	-0.5%	0.4	6,449	11.7	2,605	28.1	96,000	53.9%	Link
MSN	Bán lẻ	81.8	2.9%	1.2	4,916	9.2	3,456	23.7	55,200	30.1%	Link
MWG	Bán lẻ	49.4	0.4%	1.7	3,048	10.0	7,475	6.6	95,000	49.0%	Link
PNJ	Bán lẻ	78.0	5.7%	0.6	1,080	12.8	2,965	26.3	77,100	48.7%	Link
VHC	Thủy sản	74.5	0.5%	1.0	577	1.5	12,800	5.8	67,500	30.5%	Link
GMD	Logistics	57.2	0.2%	0.4	728	2.5	7,059	8.1	57,000	47.4%	Link
FPT	Công nghệ	75.8	0.7%	0.6	4,064	4.0	5,901	12.8	91,900	49.0%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.



Danh mục BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
CTG	Ngân hàng	30.3	2.0%	1.2	6,331	19.1	3,520	8.6	1.3	27.2%	16.1%
ACB	Ngân hàng	22.0	0.2%	1.0	3,715	8.5	3,742	5.9	1.4	30.0%	26.3%
HDB	Ngân hàng	18.6	1.4%	0.9	2,034	2.2	3,149	5.9	1.2	19.6%	22.6%
LPB	Ngân hàng	16.2	-0.6%	1.5	1,218	10.1	2,732	5.9	1.1	4.2%	19.9%
VIB	Ngân hàng	20.3	0.0%	1.3	2,239	4.8	3,469	5.9	1.6	20.5%	29.7%
VND	Chứng khoán	17.9	0.8%	2.0	948	25.2	489	36.6	1.5	23.9%	4.8%
TPB	Ngân hàng	18.3	0.5%	1.1	1,752	7.1	2,895	6.3	1.2	29.2%	20.9%
SSI	chứng khoán	28.1	2.0%	1.7	1,828	32.9	1,120	25.0	1.8		7.9%
CII	Xây dựng	18.5	0.8%	1.9	228	9.8	218	85.0	0.9	8.8%	1.0%
C4G	Xây dựng	14.3	0.0%	2.1	210	2.2	791	18.1	1.3	0.0%	8.2%
CTD	Xây dựng	77.3	3.1%	1.9	250	2.9	184	420.2	0.7	49.0%	0.2%
HHV	Xây dựng	15.5	-0.6%	1.7	222	4.7	903	17.2	0.7	4.7%	3.9%
LCG	Xây dựng	13.8	-1.1%	2.2	114	5.0	812	17.0	1.0	3.3%	6.1%
BCM	KCN	81.0	0.6%	0.9	3,645	1.4	1,170	69.2	4.9	2.7%	8.1%
HUT	KCN	20.1	3.6%	1.5	305	6.6	162	124.2	1.8	1.9%	1.4%
PHR	KCN	50.8	-0.4%	1.5	299	1.4	6,039	8.4	2.0	15.3%	24.1%
SZC	KCN	32.1	-0.3%	1.9	167	1.8	1,103	29.1	2.5	3.1%	8.9%
HSG	Vật liệu	17.5	0.0%	2.1	467	12.0	(1,694)		1.0	17.6%	-9.6%
HT1	Vật liệu	16.8	-2.6%	1.5	278	1.6	386	43.4	1.3	3.5%	2.9%
NKG	Vật liệu	18.7	-0.8%	2.3	213	9.0	(2,586)		0.9	9.8%	-11.8%
PTB	Vật liệu	54.5	2.8%	1.1	161	3.1	6,017	9.1	1.3	15.5%	15.7%
KSB	Vật liệu	30.9	-1.1%	1.8	103	3.6	1,393	22.2	1.2	4.2%	5.6%
NVL	BDS	14.7	-1.3%	1.0	1,246	11.4	362	40.6	0.8	3.5%	1.9%
DXG	BDS	15.0	-1.3%	2.3	398	7.8	(240)		1.0	18.8%	-1.6%
HDC	BDS	28.9	-0.3%	1.5	170	1.3	2,526	11.4	2.1	1.8%	20.9%
DIG	BDS	21.1	-1.4%	2.6	559	14.2	262	80.6	1.9	5.5%	2.1%
IJC	BDS	14.3	-0.3%	2.0	156	1.1	1,662	8.6	0.9	6.4%	11.2%
BSR	Dầu khí	18.0	-0.6%	1.4	2,426	6.0	4,750	3.8	1.1	0.4%	33.2%
PVT	Dầu khí	23.5	0.0%	1.2	330	3.9	2,740	8.6	1.2	15.3%	15.4%
PLC	Săm lốp	38.2	-1.0%	1.9	134	0.6	1,355	28.2	2.4	1.3%	8.2%
DRC	Tiện ích	23.1	-0.9%	1.3	119	0.8	2,246	10.3	1.5	9.2%	14.4%
REE	Tiện ích	65.9	0.3%	0.8	1,171	1.9	6,714	9.8	1.7	49.0%	18.6%
GEX	Tiện ích	19.2	-1.3%	1.9	709	12.6	10	1917.7	1.4	11.5%	0.1%
NT2	Tiện ích	30.2	-1.1%	0.7	377	1.0	3,245	9.3	1.9	15.5%	20.9%
HDG	Tiện ích	30.4	0.5%	1.7	404	1.0	3,775	8.1	1.7	24.8%	22.6%
PC1	Tiện ích	27.2	-0.7%	1.4	320	2.5	1,257	21.6	1.4	6.8%	6.8%
GEG	Tiện ích	14.9	1.0%	1.1	220	0.8	902	16.5	1.6	46.7%	5.7%
BCG	Dầu khí	9.8	3.7%	2.2	227	6.3	220	44.5	0.8	1.7%	1.5%
SAB	Bán lẻ	150.0	-0.2%	0.2	4,182	1.3	7,649	19.6	4.0	62.3%	22.1%
QNS	Bán lẻ	50.3	3.7%	0.5	781	3.4	4,226	11.9	2.0	17.4%	17.5%
FRT	Bán lẻ	76.8	1.7%	1.5	455	4.3	1,620	47.4	5.2	33.5%	11.5%
DGW	Bán lẻ	48.4	1.1%	1.9	352	6.1	3,397	14.2	3.2	23.6%	24.7%
DBC	Bán lẻ	25.7	5.8%	2.1	270	8.9	(1,339)		1.4	7.4%	-7.2%
PET	Bán lẻ	30.0	-0.7%	2.3	129	1.0	1,026	29.3			4.3%
BAF	Bán lẻ	25.2	0.4%		157	5.5	1,409	17.9	1.9	0.2%	11.8%
ANV	Thủy sản	37.5	0.1%	1.6	217	3.8	4,368	8.6	1.6	4.3%	20.1%
VSC	Logistics	38.3	-1.2%	0.5	202	3.1	2,087	18.3	1.8	3.2%	9.4%
HAH	Logistics	48.3	-1.5%	1.3	148	4.1	9,072	5.3	1.4	5.0%	34.4%
CTR	Công nghệ	74.8	-1.3%	1.4	372	1.3	4,040	18.5	4.9	10.6%	29.3%
TNG	Dệt may	19.9	-0.5%	1.7	98	1.8	2,665	7.5	1.4	18.9%	19.3%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2023_VN_Trong nguy có cơ	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook 2023		x	Click
3	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
4	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
6	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
BSC trân trọng cảm ơn quý khách hàng!
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639